

Bản án số: 73/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22/8/2024.
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lương Thị Hồng Hạnh.
- Ông Tô Hải Đăng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 106/2024/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 4 năm 2024, về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 02 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc T - sinh năm 1973, có đơn xin vắng mặt.
Địa chỉ: khu phố P, thị trấn G, huyện G.
- Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu D - sinh năm 1972, vắng mặt.
Địa chỉ: khu phố P, thị trấn G, huyện G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/3/2024, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T như sau:

Bà và ông Nguyễn Hữu D cưới nhau vào năm 1992, hôn nhân tự nguyện, ông bà sống chung từ năm 1992 cho đến năm 2018 và không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Ông bà sống hạnh phúc được hơn 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng trong cách sống, quan điểm sống nên không có tiếng nói chung và thường xuyên cãi vã. Ông bà đã sống ly thân được 06 năm nay. Sau thời gian mâu thuẫn và sống ly thân, bà xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được, bà không còn tình cảm yêu thương ông Nguyễn Hữu D nên bà yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hữu D.

Thời gian chung sống với nhau ông bà có 02 người con chung tên Nguyễn Hữu T1 - sinh ngày 15/02/1994 và Nguyễn Huyền N – sinh ngày 30/12/2002, hiện đã trưởng thành và có cuộc sống riêng.

Về tài sản chung: Ông bà không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà cam đoan ông bà không có nợ chung.

Nguyện vọng:

Về quan hệ hôn nhân: Bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Hữu D.

Về con chung: Hiện các con chung của ông bà đều đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu D đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng ông Nguyễn Hữu D không đến Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của ông Nguyễn Hữu D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Nguyễn Ngọc T và ông Nguyễn Hữu D là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Hữu D là bị đơn trong vụ án, ông Nguyễn Hữu D có địa chỉ rõ ràng, đó cũng là nơi ông đăng ký hộ khẩu thường trú, hiện nay ông Nguyễn Hữu D vẫn còn hộ khẩu thường trú ở địa chỉ trên. Tòa án đã niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Nguyễn Hữu D vắng mặt tại phiên tòa 02 lần không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Nguyễn Hữu D.

Bà Nguyễn Ngọc T có đơn xin vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của bà Nguyễn Ngọc T không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Nguyễn Ngọc T.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc T và ông Nguyễn Hữu D là hôn nhân tự nguyện, ông bà có tổ chức đám cưới theo phong tục nhưng ông bà không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986. Trong quá trình chung sống, ông bà cũng không có đăng ký kết hôn, do ông bà không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân không hợp pháp nên căn cứ vào Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Ngọc T và ông Nguyễn Hữu D là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Ngọc T và ông Nguyễn Hữu D có hai người con chung tên Nguyễn Hữu T1 - sinh ngày 15/02/1994 và Nguyễn Huyền N – sinh ngày 30/12/2002, hiện đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy, Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Ngọc T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Bà Nguyễn Ngọc T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn)

đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0005921, ngày 12/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 9, 53 và 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;
Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc T.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Ngọc T và ông Nguyễn Hữu D là vợ chồng.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: HĐXX miễn xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc T phải chịu nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0005921, ngày 12/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM./ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang